

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2019/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 18 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2019 - 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X về hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2019 - 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1688TTr-SGTVT ngày 11 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2019 - 2024”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 9 năm 2019.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2019 - 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2019 - 2024.

Đối với hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng với các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh không giới hạn giai đoạn 2019 - 2024.

Những nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức thực hiện, giải quyết các chính sách hỗ trợ, phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: được tính theo số vay thực tế nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án đầu tư phương tiện vận tải được phê duyệt theo quy định.

2. Mức hỗ trợ lãi suất: bằng 50% lãi suất phải trả thực tế trong hạn mức được phê duyệt theo quy định; mỗi dự án đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận không quá 15 tỷ đồng (mười lăm tỷ đồng).

3. Thời gian hỗ trợ lãi suất: theo thời gian vay vốn của từng khoản vay nhưng tối đa không quá 60 tháng (tính từ ngày hưởng chính sách hỗ trợ lãi vay theo chu kỳ vốn vay cho dự án).

4. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Chủ cơ sở vận tải có cam kết đầu tư kết cấu hạ tầng (điểm đầu, điểm cuối, biển báo điểm dừng, đỗ, biển thông tin tuyến, nhà chờ, sơn vạch kẻ đường) cho các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt hoặc theo mạng lưới tuyến được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay vốn:

1. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: theo giá trị hợp đồng vay vốn nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ lãi suất: bằng 50% lãi suất phải trả thực tế trong hạn mức được phê duyệt theo quy định.

3. Thời hạn hỗ trợ lãi suất: theo thời gian vay vốn của từng khoản vay nhưng tối đa không quá 60 tháng (tính từ ngày hưởng chính sách hỗ trợ lãi vay theo chu kỳ vốn vay cho dự án).

4. Trình tự, thủ tục hỗ trợ: theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Ưu tiên bố trí quỹ đất cho doanh nghiệp vận tải thuê để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt gồm: Trung tâm điều hành xe buýt, trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe buýt tập trung, nhà lưu trú cho công nhân, nhà chờ, điểm đầu, điểm cuối các tuyến xe buýt.

Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách tỉnh cấp bù chênh lệch lãi suất (50% mức hỗ trợ lãi suất đầu tư phương tiện; đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông) là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại có hoạt động cho vay phục vụ lĩnh vực giao thông vận tải cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch. Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

Điều 5. Hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

1. Miễn tiền vé đi lại cho các đối tượng: doanh nghiệp vận tải thực hiện miễn tiền vé đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

Doanh nghiệp vận tải phát hành thẻ ưu tiên cho các đối tượng miễn tiền vé. Căn cứ hồ sơ và số lượng thẻ ưu tiên Sở Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp vận tải thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ.

2. Giảm 50% giá vé đối với các đối tượng: người có công với cách mạng; người cao tuổi; học sinh các trường học trên địa bàn tỉnh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh.

3. Điều kiện để được giảm giá vé:

a) Người có công với cách mạng phải xuất trình giấy chứng nhận hoặc 01 loại giấy tờ khác xác nhận là người có công với cách mạng;

b) Người cao tuổi phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác (có hình ảnh) để chứng nhận là người cao tuổi;

c) Học sinh, sinh viên phải xuất trình thẻ học sinh, sinh viên do các trường học, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh cấp;

d) Đối tượng được giảm 50% giá vé: ngân sách Nhà nước hỗ trợ thông qua vé tháng cho đối tượng Điểm c, Khoản 3 Điều này (1 tuyến, 2 tuyến và liên tuyến);

- Vé tháng 01 tuyến quy đổi bằng 60 lượt, 2 tuyến bằng 90 lượt và liên tuyến bằng 120 lượt.

- Giá vé tháng do doanh nghiệp vận tải đăng ký nhưng tính quy đổi ra giá cước một lượt đi tối đa bằng 70% vé lượt.

Sở Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp vận tải thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ.

4. Kinh phí, thủ tục thực hiện giảm giá vé:

a) Kinh phí thực hiện giảm giá vé do Nhà nước hoàn trả trên cơ sở số lượng vé phát hành cho người sử dụng thực tế nhưng tối đa không quá 04% giá vé/ghế thiết kế/lượt xe/tháng (bao gồm cả chỗ ngồi và chỗ đứng) đối với các tuyến xe buýt;

b) Doanh nghiệp vận tải phải xây dựng mức trần giá vé tháng từng tuyến, gửi Sở Giao thông vận tải và Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt để làm cơ sở thực hiện; có trách nhiệm in vé và các thông tin bắt buộc khác theo đúng quy định tại Thông tư số 191/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải hành khách bằng xe ô tô;

c) Doanh nghiệp vận tải có trách nhiệm lập bảng kê thực hiện giảm giá vé trong tháng/tuyến để làm cơ sở quyết toán kinh phí hỗ trợ giảm giá vé hàng quý.

Kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh từ ngân sách tỉnh không giới hạn giai đoạn, thanh toán thực hiện theo mức quy đổi mỗi quý 1 lần chậm nhất ngày 15 quý tiếp theo.

Sở Giao thông vận tải và Sở Tài chính giám sát, kiểm tra việc thanh toán đối với vé miễn, giảm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án thực hiện lập dự án đầu tư phương tiện vận tải, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng các quy định của Nhà nước;

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban An toàn giao thông tỉnh trong công tác thông tin, truyền thông để khuyến khích người dân, học sinh, sinh viên, cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị chức năng có liên quan nghiên cứu xây dựng mô hình Trung tâm Quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng trực thuộc Sở Giao thông vận tải để giám sát và quản lý chất lượng dịch vụ xe buýt trên địa bàn tỉnh theo Khoản 2, Điều 6 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

e) Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy định này; chủ trì tham gia ý kiến và hướng dẫn các nhà đầu tư khi được yêu cầu; đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh cần xử lý.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan để thẩm định, tham mưu xử lý hồ sơ đầu tư, xác định ưu đãi đầu tư đối với các dự án đăng ký theo quy định; tổng hợp, đề xuất kế hoạch vốn ngân sách hỗ trợ lãi vay trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá cước vận chuyển xe buýt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (trên dữ liệu thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ giá vé; kiểm tra giám sát việc thực hiện và xử lý vi phạm về lĩnh vực giá; thực hiện việc thanh toán các khoản hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với hoạt động xe buýt.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Rà soát và bổ sung (nếu có) quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương, nhất là các điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt để tạo quỹ đất xây dựng trung tâm điều hành, trạm sửa chữa bảo dưỡng, bãi đỗ xe công cộng và nhà lưu trú cho công nhân, kết hợp làm điểm đầu, điểm cuối các tuyến xe buýt;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn doanh nghiệp vận tải, chủ dự án lập thủ tục về chấp thuận địa điểm đầu tư, giao đất hoặc cho thuê đất để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt;

c) Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ưu tiên bố trí quỹ đất và thực hiện chính sách miễn tiền thuê đất đối với các dự án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

5. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện hỗ trợ tín dụng quy định tại Điều 3, 4 của Quy định này;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ tín dụng theo quy định này;

6. Kho bạc Nhà nước giải ngân khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp trong vòng 10 ngày làm việc theo Quy định này.

7. Doanh nghiệp vận tải, chủ dự án:

a) Lập dự án đầu tư phương tiện vận tải, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở vay vốn đầu tư và thực hiện thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư theo quy định;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, tuân thủ quy định pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất và theo Quy định này.

8. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư phát triển vận tải khách công cộng bằng xe buýt thực hiện theo Quy định này.

Điều 7. Xử lý một số trường hợp vi phạm

1. Trường hợp chủ dự án vay vốn nhưng sử dụng vốn vay sai mục đích thì áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Xử lý các trường hợp vi phạm về đất:

a) Khi Nhà nước đã giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhưng doanh nghiệp vận tải, chủ dự án không còn nhu cầu sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích thì Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất đã giao hoặc cho thuê đất. Tài sản đã đầu tư trên đất được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, trường hợp các nội dung tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hoặc có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giao thông vận tải) để xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG XUẤT BẢN

Địa chỉ: số 17 đường Nguyễn Trãi
Điện thoại: 0259.3516179
Email: congbao@ninhthuan.gov.vn
Website: www.ninhthuan.gov.vn
In tại: Công ty cổ phần In Ninh Thuận